

Phụ lục
QUY ĐỊNH MỨC CHI, THỜI GIAN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ KINH PHÍ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị, tập huấn		
a	Chi tổ chức hội nghị	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế.	
b	Chi tổ chức tập huấn phục vụ công tác tổ chức bầu cử	- Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. - Riêng đại biểu dự tập huấn không hưởng lương từ ngân sách nhà nước áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế.	
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp		
a	Các cuộc họp của Ban chỉ đạo bầu cử; Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổ bầu cử tổ chức liên quan đến bầu cử		
	Chủ trì cuộc họp	400.000 đồng/người/buổi	320.000 đồng/người/buổi
	Thành viên tham dự	160.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi
	Các đối tượng phục vụ	80.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử		
	Chủ trì cuộc họp	240.000 đồng/người/buổi	200.000 đồng/người/buổi
	Thành viên tham dự	160.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi
	Các đối tượng phục vụ	80.000 đồng/người/buổi	60.000 đồng/người/buổi
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thường trực HĐND, ngoài chế độ công tác phí theo quy định, các mức chi thực hiện như sau		
a	Trưởng đoàn giám sát	240.000 đồng/người/buổi	200.000 đồng/người/buổi
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	160.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát		
	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	120.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi
	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	80.000 đồng/ người/buổi	60.000 đồng/người/buổi
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát		
	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	4.000.000 đồng/báo cáo	3.200.000 đồng/báo cáo
	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử	5.600.000 đồng/báo cáo	4.500.000 đồng/báo cáo
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	250.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/văn bản	200.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/người/văn bản
	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	800.000 đồng/báo cáo	640.000 đồng/báo cáo
4	Chi xây dựng văn bản		
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật	Thực hiện theo quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền.	
b	Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản này liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn thành phố do Ban Chỉ đạo công tác bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thường trực HĐND, Tổ bầu cử, các sở, ban, ngành ban hành (kể cả các văn bản hướng dẫn cho một xã, phường nhưng được gửi đến tất cả các xã, phường để cùng áp dụng)		

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
	Xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	2.000.000 đồng/văn bản	1.500.000 đồng/văn bản
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	250.000 đồng/ người/lần, nhưng tối đa không quá 1.000.000 đồng/ người/văn bản	200.000 đồng/ người/lần, nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/ người/văn bản
5	Chi bồi dưỡng kinh phí cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử		
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau		
	Trưởng Ban chỉ đạo, Phó Trưởng Ban chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; Trưởng các Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.	2.600.000 đồng/người/tháng	2.000.000 đồng/người/tháng
	Thành viên Ban chỉ đạo bầu cử; Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; Phó các Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; Tổ trưởng tổ giúp việc Ủy ban bầu cử.	2.300.000 đồng/người/tháng	1.800.000 đồng/người/tháng
	Thành viên các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; Thành viên Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; Tổ phó và thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử.	2.000.000 đồng/người/tháng	1.500.000 đồng/người/tháng
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng tại khoản a mục 5 này và không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)		
	Đối với trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử không quá 15 ngày	150.000 đồng/người/ngày	100.000 đồng/người/ngày

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
	Đối với trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày	2.000.000 đồng/người/tháng	1.500.000 đồng/người/tháng
c	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt	300.000 đồng/người/ngày	
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử		
a	Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng Ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	400.000 đồng/người/tháng	300.000 đồng/người/tháng
b	Thành viên Ban chỉ đạo bầu cử; thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng Ban bầu cử; Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ bầu cử	300.000 đồng/người/tháng	200.000 đồng/người/tháng
c	Thành viên Ban bầu cử; Thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử; Tổ phó và các thành viên Tổ bầu cử	200.000 đồng/người/tháng	100.000 đồng/người/tháng
d	Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp quyết định danh sách những người được hỗ trợ cước điện thoại theo mức khoán (trong dự toán kinh phí bầu cử được giao). Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo quyết định phân công nhiệm vụ	200.000 đồng/người/tháng	100.000 đồng/người/tháng

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
	của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ Bầu cử nhưng tối đa không quá 03 tháng.		
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử (không bao gồm cán bộ, công chức chuyên trách tiếp công dân đã được hưởng phụ cấp theo quy định)		
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	150.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân (như: lực lượng đảm bảo an ninh trật tự, lái xe, phục vụ hậu cần, y tế ...)	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi
8	Chi khác cho công tác bầu cử		
a	Chi đóng hòm phiếu: Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	500.000 đồng/hòm phiếu	
b	Chi khắc dấu: Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí)	400.000 đồng/dấu	
c	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử (Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung)	1.500.000 đồng/bảng	
d	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử.	Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.	
đ	Chi công tác tuyên truyền, in ấn hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác bầu cử.	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.	

STT	Nội dung chi	Mức chi (đồng)	
		Cấp thành phố	Cấp xã
e	Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ bầu cử.	Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách được giao cho các cơ quan, đơn vị.	
g	Các nội dung chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử (chi thuê máy móc, thiết bị; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu (nếu có); trang trí, loa đài; trang bị vật tư, văn phòng phẩm, tài liệu về bầu cử, nước uống; chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, hướng dẫn bầu cử) và các nội dung chi khác phát sinh thực tế chưa được quy định mức chi tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác.	Thực hiện theo chứng từ, hóa đơn thanh toán thực tế hợp lý, hợp lệ, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.	